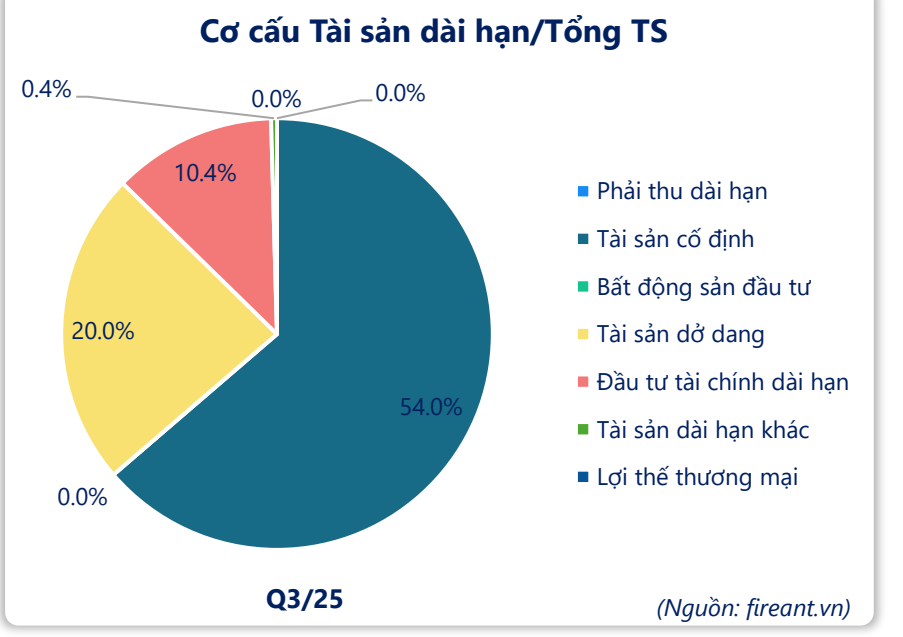
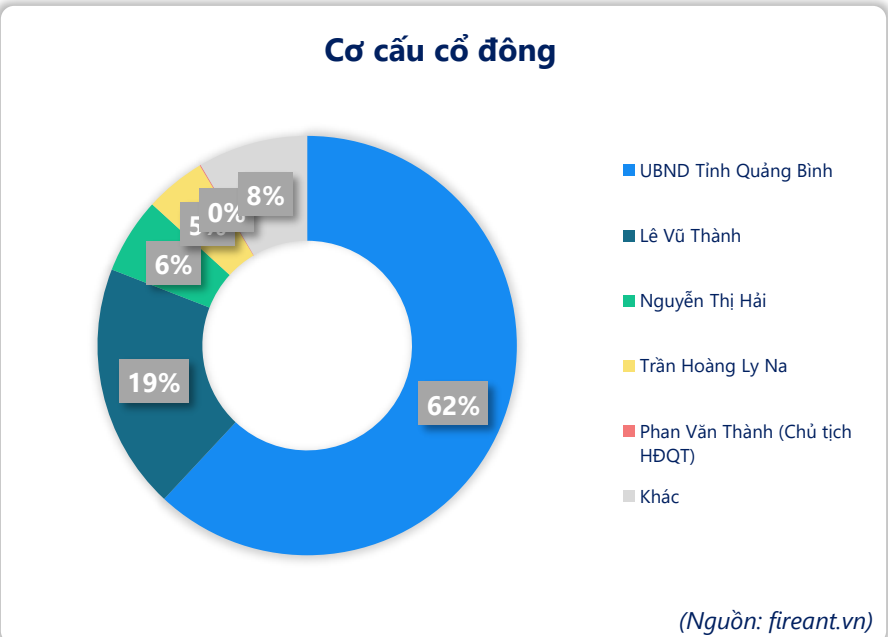
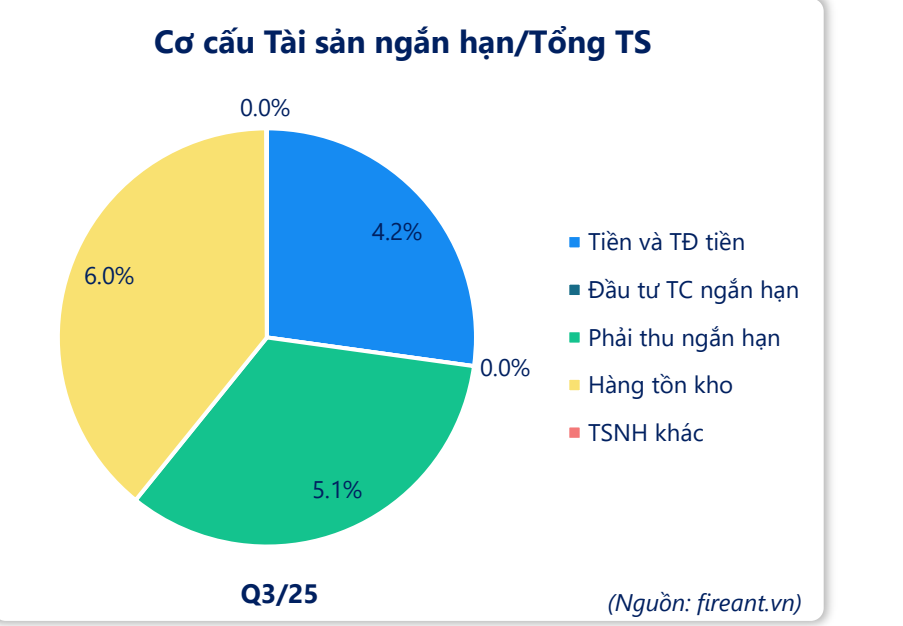
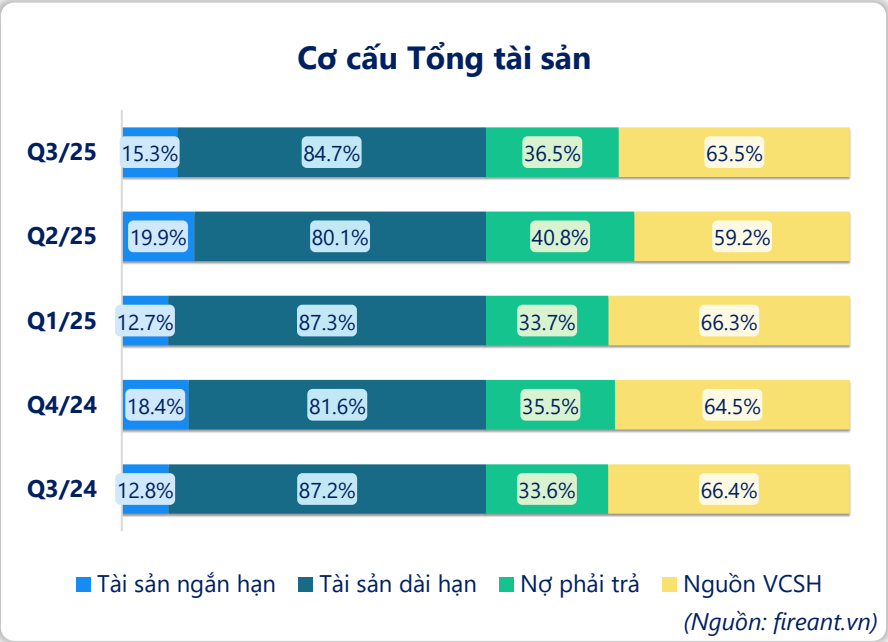
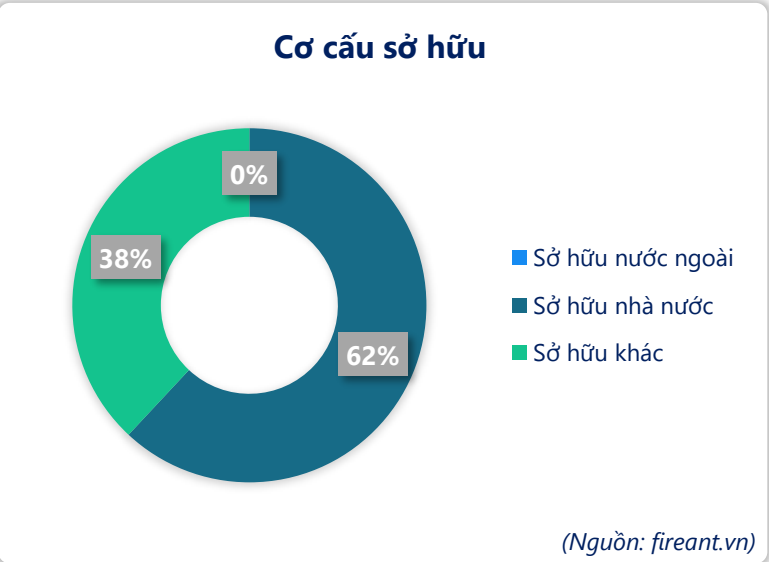
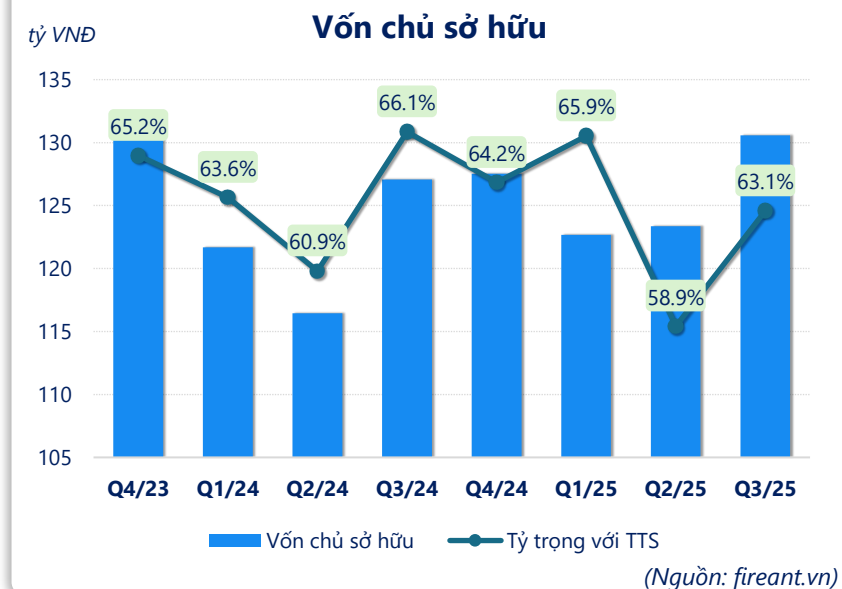
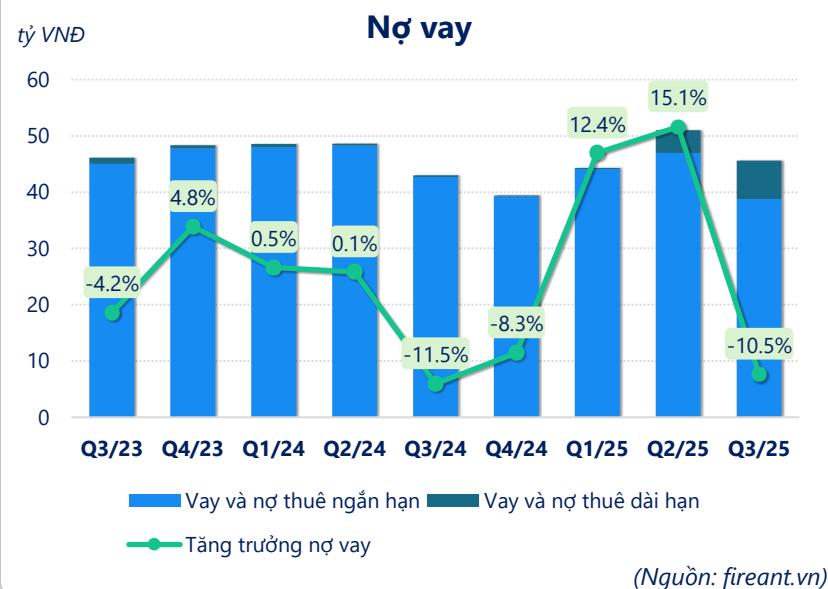
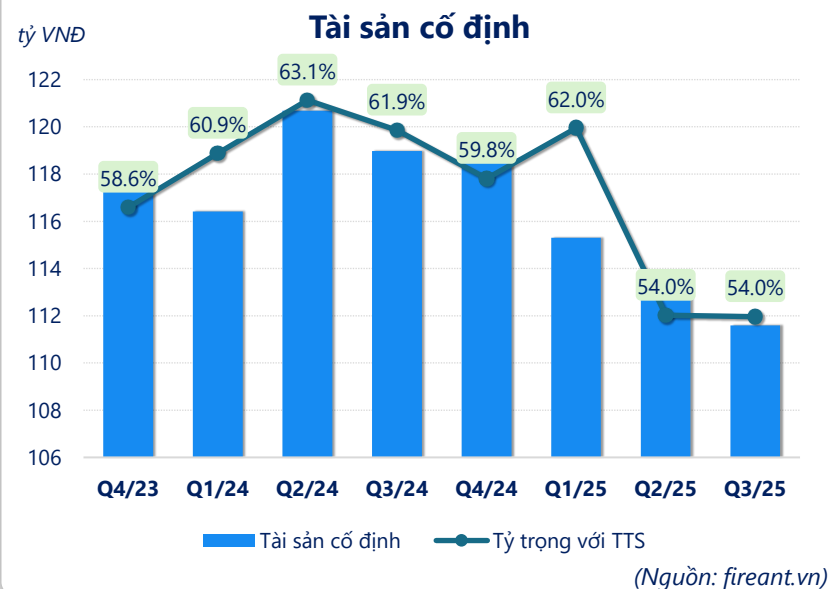
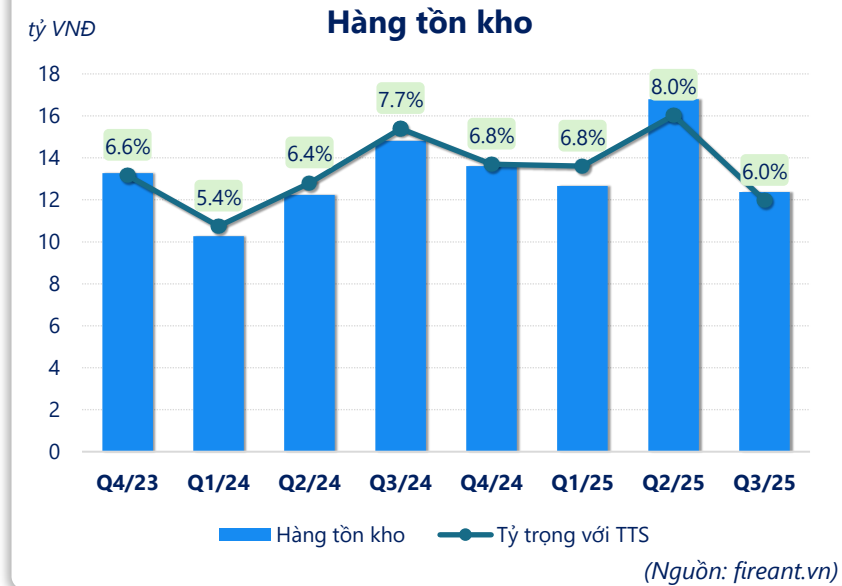
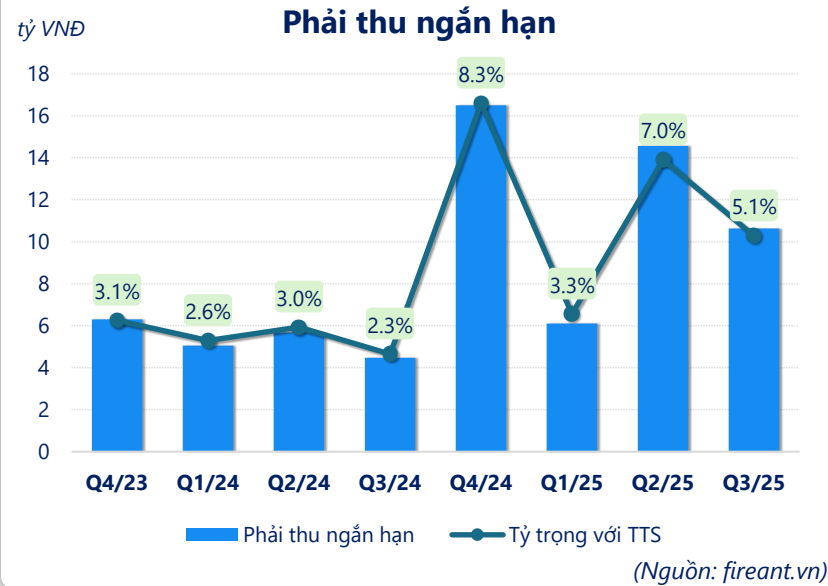
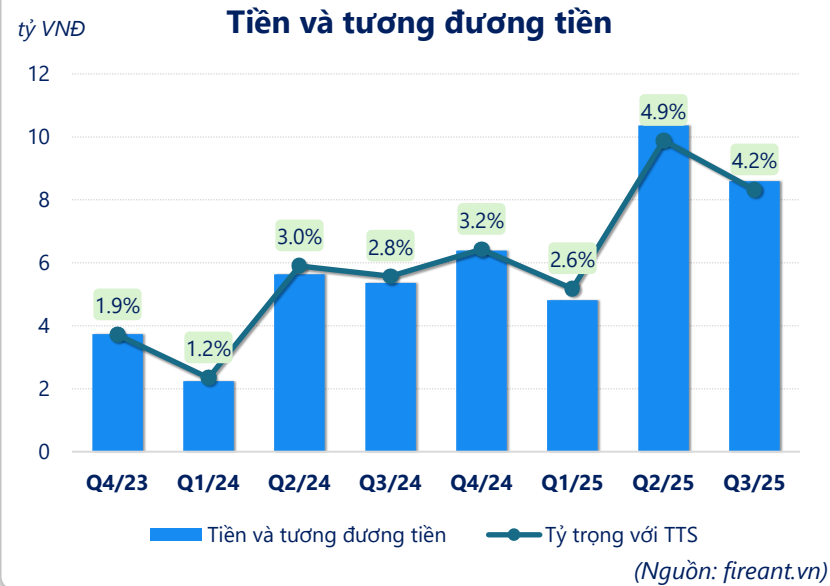
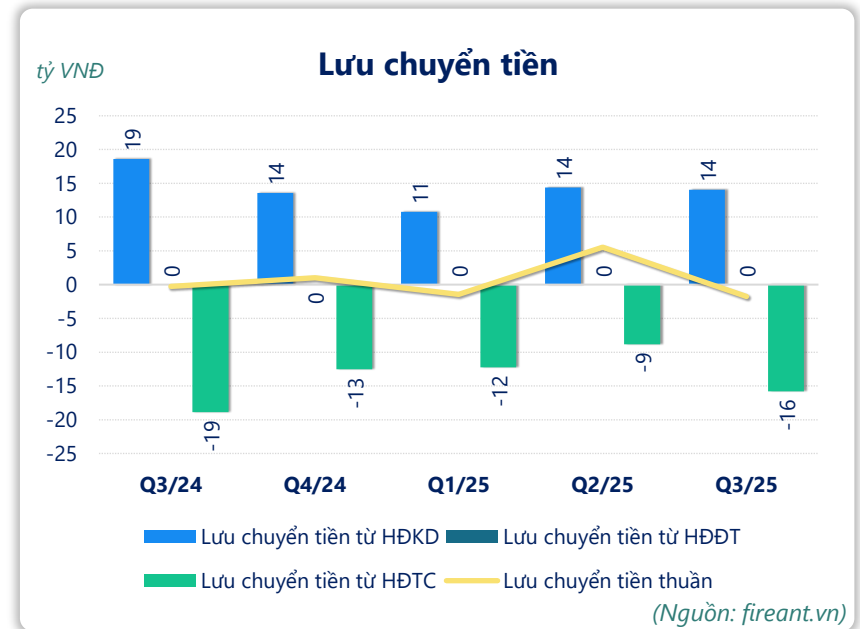
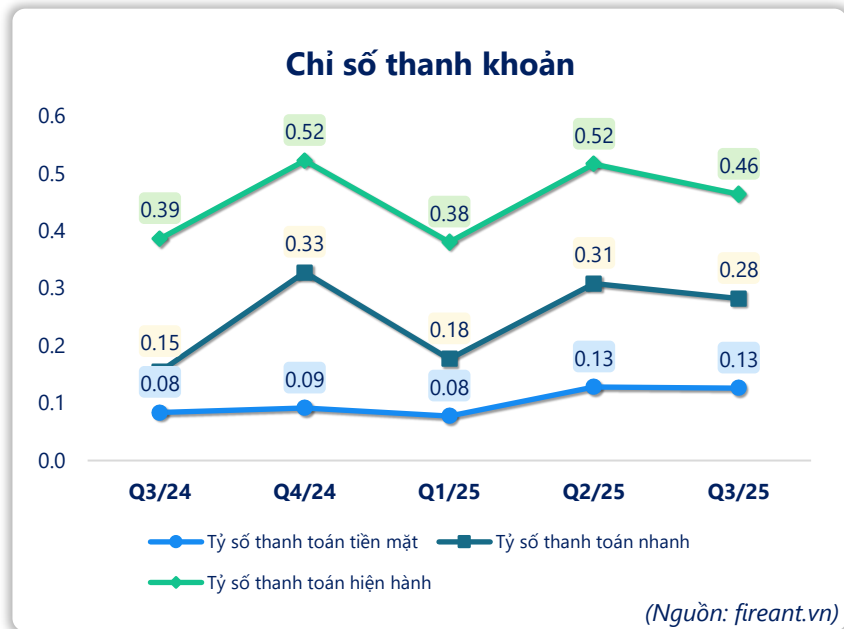
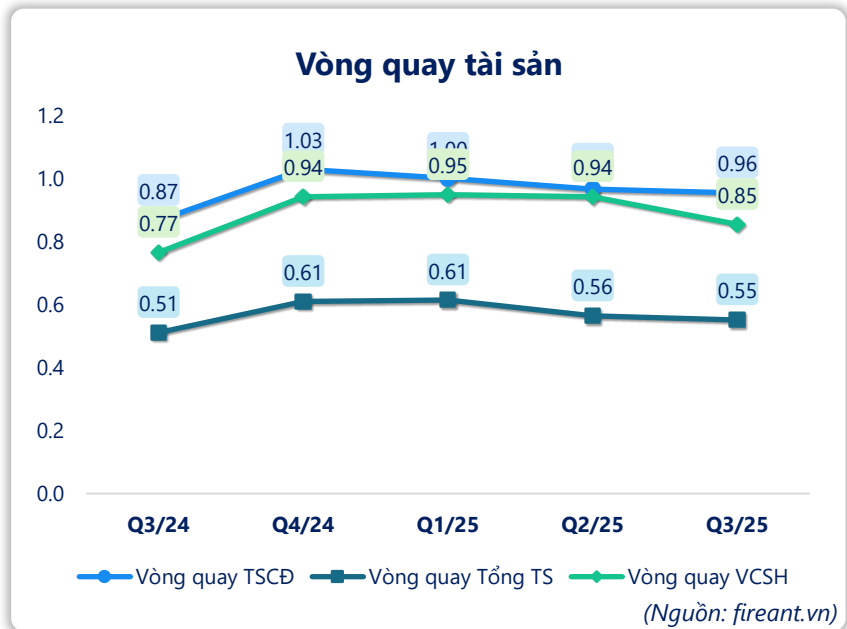
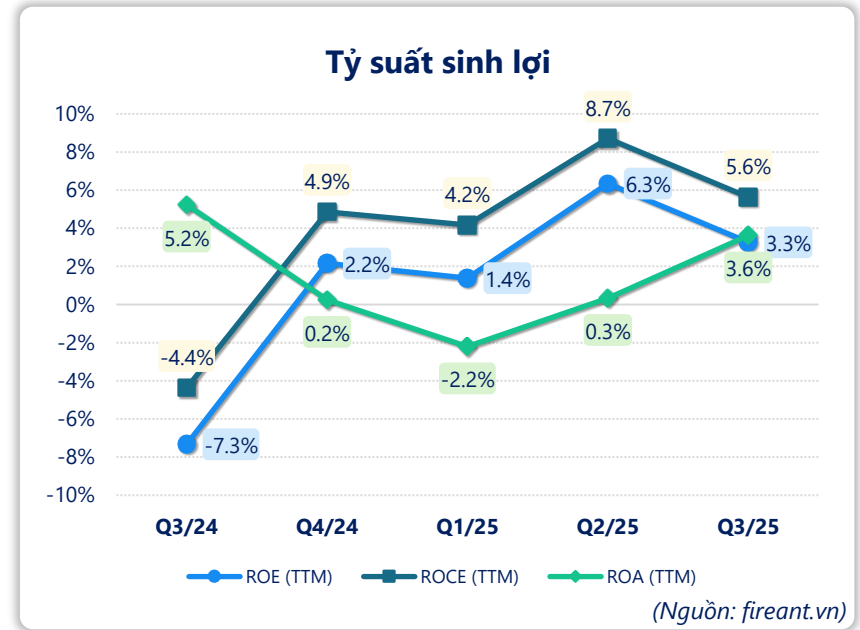
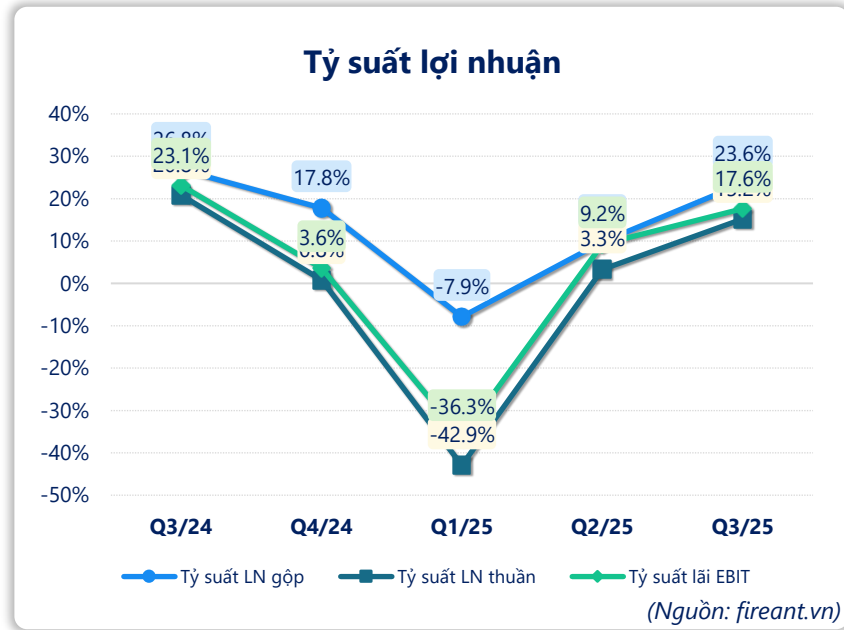
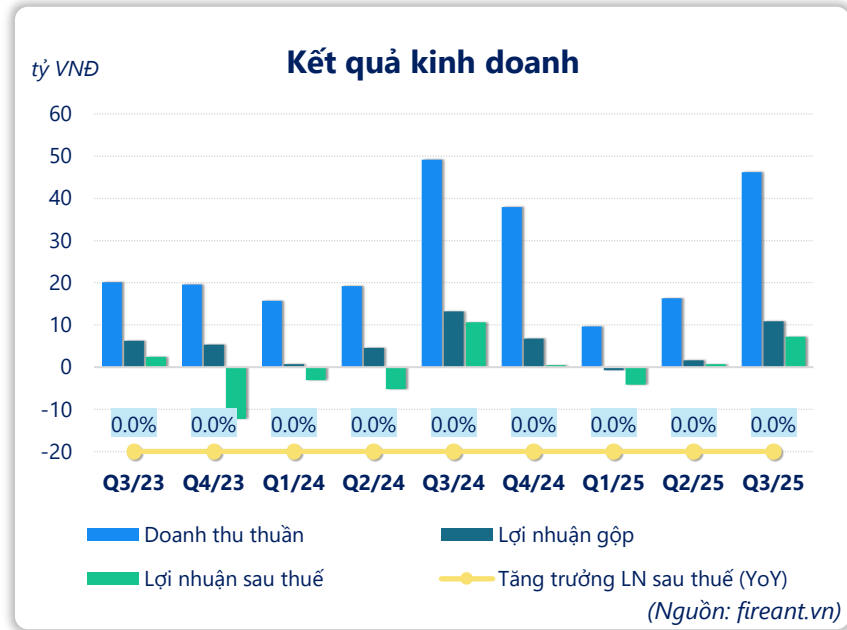


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		38,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,800
SL cổ phiếu LH		17,081,791
KLGD BQ 20 phiên (CP)		185
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		188
P/E		44.7
EPS		246

	YTD	1T	3T	6T
VTQ	-66.3%	37.5%	31.0%	-66.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	207	198	4.5%
Tài sản ngắn hạn	31.6	35.4	-10.6%
Tiền và tương đương tiền	8.60	6.29	36.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	10.6	15.4	-31.1%
Hàng tồn kho	12.4	13.6	-9.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.05	-73.6%
Tài sản dài hạn	175	163	7.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	112	117	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	41.4	25.3	63.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	21.5	19.0	12.9%
Tài sản dài hạn khác	0.77	0.81	-5.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	75.6	70.4	7.3%
Nợ ngắn hạn	68.2	69.9	-2.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	38.8	39.2	-1.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.75	14.6	-33.4%
Nợ dài hạn	7.32	0.49	1406%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.83	0.19	3419%
Nguồn vốn chủ sở hữu	131	128	2.9%
Vốn chủ sở hữu	131	127	2.9%
Vốn điều lệ	171	171	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.68	0.68	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	49.2	37.9	9.67	16.3	46.2
Giá vốn hàng bán	36.0	31.2	10.4	14.7	35.3
Lợi nhuận gộp	13.2	6.74	-0.76	1.60	10.9
Doanh thu HĐTC	0.00	0.04	0.00	0.03	0.02
Chi phí TC	0.74	3.02	0.65	-1.45	0.93
Chi phí lãi vay	0.74	0.89	0.65	0.83	0.93
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.02	0.13	0.01	0	0.07
Chi phí QLDN	2.20	3.34	2.74	2.54	2.88
LN thuần từ HĐKD	10.2	0.30	-4.15	0.54	7.03
Lợi nhuận khác	0.38	0.18	0.00	0.13	0.18
LN trước thuế	10.6	0.47	-4.16	0.67	7.21
Lợi nhuận sau thuế	10.6	0.47	-4.16	0.67	7.21
LNST của CĐ cty mẹ	10.6	0.47	-4.16	0.67	7.21

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.6	13.6	10.8	14.4	14.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.00	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.9	-12.5	-12.2	-8.84	-15.8
Tiền đầu kỳ	5.64	5.36	6.29	4.82	10.4
Lưu chuyển tiền thuần	-0.28	1.02	-1.47	5.54	-1.76
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.36	6.38	4.82	10.4	8.60

(Nguồn: fireant.vn)